

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-PT

Ngày: 28/02/2020

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1979 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1971 (Có mặt);

2.2. Bà Đặng Ngọc H, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1937 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Ngày 14/11/2017, bà có cho vợ chồng ông L, bà H vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 200.000 đồng/tháng, với thời hạn vay 6 tháng, giữa hai bên có làm giấy nhận nợ, nhưng từ khi vay đến nay vợ chồng ông L, bà H không trả tiền, mặc dù đòi nhiều lần. Nay bà yêu cầu ông L, bà H trả nợ vay gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi của 12 tháng là 2.400.000 đồng, tổng cộng 22.400.000 đồng. Tại phiên tòa bà T rút yêu cầu kiện đối với bà H và không yêu cầu trả tiền lãi 2.400.000 đồng. Bà T chỉ yêu cầu một mình ông L trả nợ vay gốc số tiền 20.000.000 đồng.

** Bị đơn ông Trần Văn L trình bày:*

Ông có mượn 20.000.000 đồng của ông Trần Văn H, lúc đó bà T giao tiền và ông H kêu ký nhận nợ với bà T nên vợ chồng có ký tên vào giấy nhận nợ. Ngoài ra ông L cũng thừa nhận việc sử dụng tiền này vợ ông là bà H không biết, đến nay ông vẫn chưa trả 20.000.000 đồng tiền mượn này. Qua yêu cầu của bà T thì ông không đồng ý vì vợ chồng ông không có vay tiền của bà T.

Bà Đặng Ngọc H không có tờ khai thể hiện ý kiến đồng ý hay phản đối yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Văn H trình bày:* Ông không có cho vợ chồng ông L, bà H vay mượn tiền, việc vay tiền là giữa bà T với vợ chồng ông L, bà H, ông không biết, nên trong vụ án này không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản án sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.
- Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn đối với bà Đặng Ngọc H.
- Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi.
- Buộc ông Trần Văn L có trách nhiệm trả 20.000.000 đồng tiền nợ vay cho bà Trần Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Văn L phải nộp 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Trần Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà T 560.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BH/2018/0000566 ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/10/2019, ông Trần Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, vì nội dung nhận định cũng như quyết định của Tòa án không đúng với thực tế.

- Tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, yêu cầu ông L trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng.

+ Bị đơn ông Trần Văn L trình bày: Số tiền 20.000.000 đồng xuất phát từ số tiền ông H kêu ông ký tên bán phần đất ruộng (phần đất này thực chất là của ông, ông H đứng tên dùm), ông H hứa khi bán đất sẽ cho ông mượn tiền làm ăn. Số tiền 20.000.000 đồng này do ông H kêu bà T mang đưa cho ông, do đó ông mới làm biên nhận với bà T. Do số tiền này cũng xuất phát từ tiền bán đất của ông, nên ông không đồng ý trả tiền cho bà T, cũng như không đồng ý trả cho ông H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Ông L thừa nhận viết và ký tên, nhận 20.000.000 đồng từ bà T và cho đến nay chưa trả tiền cho bà T. Nhưng ông L cho rằng tiền này là tiền của ông H (cha của ông) cho ông mượn, nhưng ông H xác định ông H không cho ông L mượn tiền và bà T cũng không thừa nhận là tiền của ông H. Ông L không chứng minh được tiền này là của ông H. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông L trả tiền cho bà T là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông H vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về nội dung:

Ông L kháng cáo cho rằng số tiền 20.000.000 đồng bà T đưa cho ông xuất phát từ số tiền ông H kêu ông ký tên bán phần đất có nguồn gốc của ông, nhưng ông để ông H đứng tên dùm, ông H hứa bán đất xong cho ông mượn tiền để làm ăn. Do ông H nhờ bà T mang tiền đưa cho ông nên ông mới làm biên nhận với bà T. Nay ông không đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà T hay ông H, vì tiền bán đất cũng là diện tích của ông mua, tiền ông mượn cũng là tiền của ông.

Xét kháng cáo của ông L là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, ông L thừa nhận có ký tên vào giấy nhận nợ và nhận số tiền 20.000.000 đồng từ bà T, hiện nay ông cũng thừa nhận chưa trả số tiền này cho bà T. Đối với việc ông cho rằng số tiền này của ông H đưa cho ông mượn, không phải tiền của bà T. Tuy nhiên, việc này không được ông H hay bà T thừa nhận, ông L không có căn cứ gì khác để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Do đó, bản án sơ thẩm căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông L trả cho bà T 20.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét bản án sơ thẩm xử là có căn cứ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông L phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T.

2/ Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Trần Thị T đối với việc yêu cầu bà Đặng Ngọc H trả nợ cho bà T.

3/ Buộc ông Trần Văn L có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho bà Trần Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Về án phí:

- Ông Trần Văn L phải nộp 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0005676 ngày 31/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông L không phải nộp thêm án phí phúc thẩm.

- Bà Trần Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà T 560.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BH/2018/0000566 ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi Cục THA DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh